

Bản án số: **430/2019/HS-PT**
Ngày 29 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Phụng**

Các thẩm phán:

Ông Vũ Thế Phương

Bà Hoàng Thị Thu Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 263/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh ngày 05/6/1981 tại Thanh Hóa; HKTT: Thôn 1, xã Hoằng Vinh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện tại: Số 198A, Tổ 16, khu phố B1, phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Hán Thị L, sinh năm 1940 (còn sống); Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1984 (đã chết), chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1998. Trú tại: Số 126, Ấp Tân Đạt, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996. Trú tại: Số 282, xóm 6, Khu 3, Ấp An Bình, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Bị đơn dân sự:

Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1971. Trú tại: Số 198A, Tổ 11, khu phố Bình Thung 1, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Hồng N, Nguyễn Thị Ngọc D, Ngô Đức Q nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 05/7/2018, Lê Văn H điều khiển xe ô tô biển số 61C-278.01 (có giấy phép lái xe theo quy định) lưu thông từ bên trong bãi cát, đá của Cửa hàng vật liệu xây dựng “Phiệt Hoa” thuộc Km 03+100 đường ĐT 777, ấp Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai sang bên phải đường theo hướng từ xã An Viễn đi thị trấn Trảng Bom. Do bãi vật liệu xây dựng nằm sâu bên trong so với mặt đường nên tầm nhìn về 02 hướng trên đường ĐT 777 của H bị che khuất. Khi H điều khiển xe ô tô 61C-278.01 vừa ra đến sát mép lề đường bên trái đường ĐT 777 thì H phát hiện anh Nguyễn Chí L điều khiển xe mô tô biển số 60B8-716.92 (không có giấy phép lái xe theo quy định) chở chị Nguyễn Thị H đang lưu thông đúng phần đường theo hướng thị trấn Trảng Bom đi xã An Viễn chạy đến nhưng H không nhường đường mà tiếp tục điều khiển xe ô tô 61C-278.01 chuyển hướng sang phần đường bên phải, do H điều khiển xe chuyển hướng không đảm bảo an toàn nên khi anh L điều khiển xe mô tô chạy đến không kịp xử lý, mất thăng bằng dẫn đến xe mô tô 60B8-716.92 và người ngồi trên xe ngã xuống đường và tiếp tục trượt về phía trước và đụng vào gầm bên trái hông xe ô tô 61C-278.01 làm anh L và chị H bị thương nặng.

Tại Bản Kết luận giám định số 417/KLGD-PC09 ngày 05/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Hệ thống dấu vết nứt vỡ, trượt xước, mài mòn các chi tiết bên trái: ốp nhựa đầu xe, đồng hồ kilomet, cụm đèn trước, yếm chắn gió cùng yên xe; cong vênh biến dạng khung tay cầm lái, gác chân trước cùng cần số của xe mô tô biển số: 60B8-716.92 hình thành do quá trình va chạm với khung dưới cản hông bên trái và mặt dưới thùng chứa nhiên liệu của xe ô tô biển số 61C-278.01; Hệ thống dấu vết trượt xước, mài mòn các chi tiết còn lại bên phải của xe mô tô biển số: 60B8-716.92 hình thành do quá trình va chạm với mặt đường khi xe ngã.

Tại Bản Kết luận giám định số 772/TgT/2018 ngày 13/11/2018 và Kết luận giám định số 773/TgT/2018 ngày 11/10/2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Nai kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của chị Nguyễn Thị H là 73% và anh Nguyễn Chí L là 50%.

Xe mô tô biển số 60B8-716.92 thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Hồng N. Anh L lấy xe đi, bà Nhi không biết nên không có cơ sở để xử lý.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe ô tô biển số 61C-278.01 có giấy tờ hợp pháp và chủ sở hữu là anh Nguyễn Trọng P đã tự nguyện giao nộp 50.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án dân sự nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô trên cho anh P theo quy định của pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển số 60B8-716.92 bị hư hỏng nặng thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Hồng N, anh P đã bồi thường cho bà Nhi số tiền 30.000.000 đồng, bà N tự nguyện giao xe cho anh Nguyễn Trọng P sở hữu và không có yêu cầu gì khác.

- Đối với Giấy phép lái xe hạng C số 790067246634 do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2016 của Lê Văn H, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã ra quyết định trả lại cho bị can Lê Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Bị can H đã bồi thường cho chị H 75.000.000 đồng, anh P đã bồi thường cho chị H 75.000.000 đồng. Bị can H đã bồi thường cho anh L 25.000.000 đồng tiền điều trị thương tích, anh P đã bồi thường cho anh L 15.000.000 đồng tiền điều trị thương tích và 24.000.000 đồng giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus của anh L bị mất.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã căn cứ điểm e khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù.

Căn cứ Điều 584, Điều 590 và Điều 601 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Giao số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ông Nguyễn Trọng P đã nộp, đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu số 01592 ngày 27/03/2019 cho anh Nguyễn Chí L.

Buộc bị cáo Lê Văn H có trách nhiệm tiếp tục bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Chí L số tiền 11.455.000đ (Mười một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/7/2019, bị cáo H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và tính lại mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và không còn yêu cầu đối với xem xét bồi thường thiệt hại. Lý do kháng cáo: Hiện nay bị cáo đang là lao động chính nuôi mẹ già,

bị cáo đã bồi thường xong cho những người bị hại, đã hỗ trợ thêm cho người bị hại.

Ý kiến của người bị hại Nguyễn Chí L: Bị cáo H đã bồi thường xong cho anh số tiền 11.455.000 đồng và hỗ trợ thêm cho anh số tiền 38.000.000 đồng. Anh không còn yêu cầu gì đối với bị cáo trong phần bồi thường nữa. Anh đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Bị cáo giao nộp chứng cứ là giấy nhận tiền, đơn xin bãi nại của chị Nguyễn Thị H, đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình của bị cáo H.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết. Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn H tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã giao nộp chứng cứ và người bị hại L tại phiên tòa xác nhận, bị cáo đã hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng, đã bồi thường cho Nguyễn Chí L 11.455.000 đồng, hỗ trợ thêm cho anh L 38.000.000 đồng, bị cáo hiện nay có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị gãy chân... Căn cứ vào các điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018 thì bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án của sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Về phần bồi thường thiệt hại, do bị cáo đã rút yêu cầu này nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn H được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, thể hiện: Vào khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 05/7/2018, tại Km 03 + 100 đường ĐT 777 thuộc ấp Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Lê Văn H đã có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 61C-278.01 chuyển hướng lưu thông từ trong lề đường bên trái sang phần đường bên phải theo hướng từ xã An Viễn đi thị trấn Trảng Bom đã thiếu quan sát, không nhường đường cho các xe đi ngược chiều, chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn gây ra tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 60B8-716.92 do Nguyễn Chí L điều khiển, chở chị Nguyễn Thị H. Hậu quả, anh L bị

thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 50%, chị H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 73%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh L và chị H là 123%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo về hình phạt của bị cáo H: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ gồm có: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, đã tích cực bồi thường thiệt hại cho bị hại, người bị hại chị H xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự) nên đã áp dụng cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt là 01 năm 06 tháng tù (khung hình phạt từ 03 năm – 10 năm) là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đã có tình tiết mới về việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh L 11.450.000 đồng, hỗ trợ thêm cho anh L 38.000.000 đồng và bồi thường thêm cho chị H 10.000.000 đồng; cả chị H và anh L đều đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi mẹ già. Xét thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú cụ thể rõ ràng và xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 (ba) năm.

[5] Đối với phần bồi thường dân sự: Trong vụ án này, ông Nguyễn Trọng P là chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển số 61C-278.01, bị cáo H là người ông P thuê lái xe chở hàng cho ông P và được trả lương hàng tháng, theo quy định tại Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2016 và điểm đ khoản 2 Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 07/08/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì ông P mới là người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với những người bị hại L và H. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo H là người có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại H và bị hại L, việc bị cáo tự nguyện bồi thường đã được xem là một tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bản thân bị cáo H cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền đã bồi thường cho các bị hại L, H, bị cáo đã rút kháng cáo về bồi thường thiệt hại nên Tòa án

cấp phúc thẩm không xem xét. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

[6] Đối với số tiền 50.000.000 đồng của ông Nguyễn Trọng P giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L có ý kiến số tiền này ông tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án cho L và H nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên giao số tiền cho một mình anh L, bên cạnh đó bản án cũng không làm rõ về việc số tiền 50.000.000 đồng mà ông P giao nộp là do ông P tự nguyện bồi thường hay là bồi thường theo nghĩa vụ là sai sót và không thể thi hành án.

[7] Tại cấp phúc thẩm, qua làm việc với ông P, ông xác định số tiền 50.000.000 đồng là do ông tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại Nguyễn Chí L. Do vậy sửa bản án sơ thẩm về phần dân sự, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của ông Nguyễn Trọng P cho bị cáo Nguyễn Chí L với số tiền là 50.000.000 đồng.

[8] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và chứng cứ của vụ án nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”**. Thời hạn thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường Bình An, xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 357, Điều 584, Điều 590 và Điều 601 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trọng P về việc bồi thường cho anh Nguyễn Chí L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Chí L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Trọng P chậm trả số tiền nêu trên, thì hành tháng, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà ông Nguyễn Trọng P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo Biên lai thu số 01592 ngày 27/03/2019 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị cáo H phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự. Ông Nguyễn Trọng P phải nộp số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

- Án phí phúc thẩm: Bị cáo H không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng